

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI
Số: 1542/QĐ-CĐCNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả bảo vệ đồ án, thi tốt nghiệp đợt 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội vào Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội và đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ – CĐCNC ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2022 -2023;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ – CĐCNC ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh trước năm học 2022 -2023;

Căn cứ thông báo số:1246/TB – CĐCNC ngày 27/9/2023 về việc điều chỉnh lịch thi tốt nghiệp đợt 2 năm 2023;

Căn cứ kết quả bảo vệ đồ án, kết quả thi tốt nghiệp môn: Chính trị, Lý thuyết nghề, Thực hành nghề đợt 2 năm 2023;

Xét đề nghị Thường trực hội đồng thi tốt nghiệp năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả bảo vệ đồ án, kết quả thi tốt nghiệp đợt 2 năm 2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, các đơn vị liên quan và học sinh, sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *us*

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, TTKT & ĐBCL *thx*



NGUYỄN T. S. Phạm Xuân Khánh

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THỰC HÀNH NGHỀ ĐỢT 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo quyết định số 1542/QĐ - CDCNC ngày 17/11/ năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	13130120103	Nguyễn Hữu Mạnh	25/09/2004	CGKL1 - K13.CĐLT	8.0	
2	13130120104	Hà Thị Hiền	01/10/1988	CGKL1 - K13.CĐLT	7.0	
3	12070120107	Nguyễn Đình Đạt	01/12/2005	CGKL1- K12.CĐ9+	7.0	
4	12070910103	Phan Đức Anh	20/09/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.0	
5	12070120101	Nguyễn Khánh Thế Anh	09/09/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
6	12070120106	Nguyễn Thế Dương	26/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.0	
7	12070120110	Nguyễn Hữu Khoa	10/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.0	
8	12070120103	Đào Nhất Duy	22/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
9	12070120116	Nguyễn Đức Phong	04/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
10	12070230111	Nguyễn Trung Kiên	29/08/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.0	
11	12070120109	Nguyễn Trung Anh Đức	03/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
12	12070120118	Vương Trọng Tăng	27/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	5.0	
13	12070120114	Nguyễn Xuân Minh	01/01/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
14	12070120119	Nguyễn Văn Thành	17/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.0	
15	12070120105	Đỗ Khoa Dương	17/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.0	
16	12070120121	Nguyễn Trung Hiếu	03/09/2002	CGKL1- K12.CĐ9+	8.0	
17	12070120123	Đỗ Hữu Quang	20/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
18	11060120313	Nguyễn Hoàng Hà	15/03/2002	CĐ.CGKL 2 - K11	6.0	
19	11060120329	Huỳnh Mạnh Quân	14/11/2002	CĐ.CGKL 2 - K11	5.0	
20	11060120331	Đỗ Duy Tân	12/11/2002	CĐ.CGKL 2 - K11	6.0	
21	11060120333	Lê Thành Thoại	28/11/2001	CĐ.CGKL 2 - K11	5.0	
22	11060120303	Lê Đình Bằng	19/02/2002	CĐ.CGKL 2 - K11	6.0	
23	12070120117	Nguyễn Đình Quân	20/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.0	
24	12070120111	Nguyễn Quang Linh	04/04/2005	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
25	12070140101	Phạm Như Tấn	10/01/2001	CGKL 1 - K12.TC	7.0	
26	11060260123	Phạm Anh Quân	13/06/2002	UDPM1 - K11.CĐ	8.0	
27	13130260101	Nguyễn Thiên Lực	06/07/2004	UDPM1 - K13.CĐLT	9.5	
28	13130260102	Nguyễn Đức Quân	15/05/2001	UDPM1 - K13.CĐLT	6.5	
29	13130260103	Trần Đức Lương	15/11/2004	UDPM1 - K13.CĐLT	7.0	
30	13130260104	Đoàn Ngọc Khánh	10/02/2004	UDPM1 - K13.CĐLT	7.5	
31	12070260107	Trần Lê Duy	30/01/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.0	
32	12070260139	Nguyễn Duy Trường	28/12/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.5	
33	12070260108	Nguyễn Duy Dũng	18/03/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.0	
34	12070260101	Nguyễn Văn An	25/02/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
35	12070260112	Lý Bá Hoàng	22/03/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.5	
36	12070260116	Trần Mạnh Huy	12/08/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.5	
37	12070260127	Đậu Xuân Phú	08/12/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.0	

38	12070260123	Nguyễn Thiên Minh	03/10/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.5	
39	12070260120	Đỗ Đức Kiên	03/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.0	
40	12070260114	Lê Đình Huy	09/05/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	5.0	
41	12070260111	Đào Trung Hiếu	29/09/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
42	12070260110	Nguyễn Đắc Đức	17/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.0	
43	12070260215	Nguyễn Đức Minh	01/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
44	12070260109	Trần Thành Đô	18/05/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.5	
45	12070260214	Nguyễn Phú Mạnh	22/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
46	12070260209	Vương Tiến Huy	03/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
47	12070260208	Nguyễn Quang Huy	09/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.0	
48	12070260223	Nguyễn Hải Yến	09/11/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	5.0	
49	12070260206	Giàng A Hải	29/04/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
50	12070260220	Thào Văn Tiến	08/09/2009	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
51	12070260124	Vũ Đức Minh	05/08/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.5	
52	12070260225	Vương Đức Mạnh	12/10/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
53	12070260226	Trương Văn Phúc	15/11/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
54	12070260231	Nguyễn Quang Minh	23/02/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
55	12130260101	Trần Ngọc Bảo	19/10/2003	CĐLT.UDPM - K12	5.0	
56	12070260217	Nguyễn Văn Quang	05/07/2006	UDPM 2- K12 CĐ9+	6.0	
57	12070260230	Phạm Tuấn Khải	21/10/2006	UDPM 2- K12 CĐ9+	6.0	
58	11060260218	Nguyễn Đức Mạnh	20/07/2001	UDPM 1- K11	5.0	
59	11060260225	Nguyễn Chí Thiện	10/12/1999	UDPM - K11	5.0	
60	11060260205	Phạm Văn Hiệp	14/08/2002	UDPM1 - K11	9.0	
61	12070230126	Đoàn Công Thành	19/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.0	
62	12070260134	Lê Tất Thành	27/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.0	
63	12070230103	Nguyễn Minh Châu	20/10/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
64	12070230109	Đình Khánh Minh Toàn Khải	09/02/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.0	
65	12070230106	Kiều Thúy Hiền	10/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.5	
66	12070230104	Phan Bá Đức	21/03/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	9.0	
67	12070230121	Phạm Quang Vinh	23/10/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.5	
68	12070260202	Nghiêm Xuân Quang Anh	04/03/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.5	
69	12070230119	Nguyễn Thị Tuyết	25/10/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.5	
70	12070260219	Sung Thị Tấu	30/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.5	
71	12070230123	Mai Nữ Thị Thu Hà	26/01/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.0	
72	12070260207	Lưu Xuân Hòa	09/01/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.5	
73	12070230116	Vàng Thị Sóng	20/02/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.0	
74	12070230120	Nguyễn Việt Trinh	16/11/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.0	
75	12070230114	Dương Phương Nhi	05/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.0	
76	12070230108	Phí Đắc Khang	27/01/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.5	
77	12070230124	Hoàng Thị Hạnh	15/04/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.0	
78	12070230128	Phan Hữu Phong	16/08/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.0	
79	12070230107	Nguyễn Quang Huy	08/11/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.5	

80	12070910111	Nguyễn Xuân Đạt	01/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.0	
81	12070910137	Đoàn Duy Trường	10/04/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
82	12070910108	Nguyễn Xuân Dương	06/12/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
83	12070910101	Nguyễn Hoài An	15/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
84	12070910106	Nguyễn Viết Dũng	16/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.0	
85	12070910116	Vương Viết Huy	29/12/2002	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	9.0	
86	12070910129	Nguyễn Phúc Hưng	28/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	9.0	
87	12070910119	Phạm Đình Long	13/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.0	
88	12070910117	Đặng Trung Kiên	03/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
89	12070910126	Nguyễn Như Phong	03/02/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.5	
90	12070910123	Nguyễn Minh Nam	23/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
91	12070910107	Nguyễn Đăng Dương	10/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
92	12070910113	Nguyễn Đình Hào	18/02/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
93	12070910112	Nguyễn Bốn Giới	08/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
94	12070910114	Đình Văn Trí Hiếu	04/04/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
95	12070910224	Nguyễn Ngọc Toàn	18/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.5	
96	12070910109	Vũ Đình Đại	04/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.0	
97	12070910125	Hoàng Anh Nhất	09/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
98	12070910219	Nguyễn Văn Nguyên	20/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
99	12070910202	Nghiêm Đức Anh	06/12/2005	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
100	12070910221	Vương Nam Phong	08/12/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.5	
101	12070910201	Phan Hoàng Bảo An	13/08/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
102	12070910203	Vũ Gia Bảo	16/10/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.5	
103	12070910212	Nguyễn Bảo Huy	29/09/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.0	
104	12070910215	Bùi Mỹ Khoa	25/01/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
105	12070910226	Nguyễn Viết Tuấn	13/02/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.0	
106	12070910230	Hoàng Đức Vinh	13/08/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.5	
107	12070910241	Phạm Quang Anh	31/12/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.5	
108	12070910302	Nguyễn Văn Thiện	15/06/2003	Ô Tô 1 - K12.TC	7.0	
109	12070910306	Nguyễn Đức Tài	16/04/2003	Ô Tô 1 - K12.TC	7.0	
110	11070910228	Phan Huy Minh	22/02/2005	TC.Ô TÔ 2 - K11	8.0	
111	12070910130	Phạm Hồng Quân	22/07/2004	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.0	
112		Nguyễn Trọng Lợi	27/07/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
113	12070810108	Cao Thanh Hà	23/05/2006	CSSĐ 1 - K12.CĐ9+	9.0	
114	12070810136	Nguyễn Bá Quỳnh Trang	29/08/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	8.8	
115	12070810125	Nguyễn Thị Mỹ	22/02/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.2	
116	12070810128	Nguyễn Phương Uyên	19/09/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.4	
117	12070810133	Võ Thị Bích Tuyền	20/01/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	8.0	
118	12070810134	Đào Thùy Trang	31/07/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	8.8	
119	12070810126	Trần Thị Yến Nhi	11/02/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.0	
120	12070810135	Đình Thị Hà Trang	18/03/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	8.8	
121	11070810103	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	10/09/2005	TC.CSSĐ - K11	9.2	

122	08070810107	Đỗ Thị Mỹ Linh	09/02/2001	TC.CSSĐ - K8	8.8	
123	12070410105	Nguyễn Hữu Nguyên	26/05/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	6.0	
124	12070410101	Nguyễn Viết Thành An	18/05/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	5.0	
125	12070260204	Ly Văn Đế	13/03/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	5.0	
126	12070410106	Sung Văn Sinh	01/08/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	6.0	
127	12070410104	Nguyễn Quang Minh	27/09/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	6.0	
128	12070620109	Hoàng Yến	03/12/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	9.0	
129	12070620102	Phạm Ngọc Anh	30/11/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	8.5	
130	12070620110	Nguyễn Lan Hương	14/09/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	9.0	
131	12070620112	Phùng Thị Minh Tâm	03/05/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	7.8	
132	12070330117	Nguyễn Đình Nghĩa	06/11/2006	ML1- K12.CĐ9+	8.5	
133	12070330116	Trương Ngọc Luân	24/12/2006	ML1- K12.CĐ9+	7.5	
134	12070330124	Nguyễn Đức Thiện	28/10/2006	ML1- K12.CĐ9+	8.5	
135	12070330125	Nguyễn Trọng Đạt	05/02/2006	ML1- K12.CĐ9+	7.5	
136	11070310107	Nguyễn Tiến Đạt	20/11/2005	ML1- TC K11	0.0	vắng
137	11060180101	Nguyễn Trung An	17/08/2002	Hàn1 - K11.CĐ	8.0	
138	11060180104	Nguyễn Hoàng Bảo	11/10/2002	Hàn1 - K11.CĐ	6.0	
139	11060180122	Đàm Đức Mạnh	07/05/2002	CĐ.CTTBCK - K11	6.0	
140	11060180138	Hoàng Mạnh Đạt	09/09/2002	CĐ.CTTBCK - K11	5.0	
141	11060180121	Đỗ Công Tuấn Linh	23/10/2002	Hàn1 - K11.CĐ	7.0	

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



NGUT.TS. Phạm Xuân Khánh

Handwritten mark or signature at the bottom right corner.

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT ĐỢT 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo quyết định số 1572/QĐ - CĐCNC ngày 17/11 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	12070120107	Nguyễn Đình Đạt	01/12/2005	CGKL1- K12.CĐ9+	9.5	
2	12070910103	Phan Đức Anh	20/09/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.5	
3	12070120101	Nguyễn Khánh Thế Anh	09/09/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.5	
4	12070120106	Nguyễn Thế Dương	26/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.3	
5	12070120110	Nguyễn Hữu Khoa	10/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.8	
6	12070120103	Đào Nhất Duy	22/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.3	
7	12070120116	Nguyễn Đức Phong	04/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.3	
8	12070230111	Nguyễn Trung Kiên	29/08/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	9.5	
9	12070120109	Nguyễn Trung Anh Đức	03/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.5	
10	12070120118	Vương Trọng Tăng	27/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.0	
11	12070120114	Nguyễn Xuân Minh	01/01/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	9.0	
12	12070120119	Nguyễn Văn Thành	17/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.5	
13	12070120105	Đỗ Khoa Dương	17/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.8	
14	12070120121	Nguyễn Trung Hiếu	03/09/2002	CGKL1- K12.CĐ9+	6.8	
15	12070120123	Đỗ Hữu Quang	20/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	8.8	
16	12070140101	Phạm Như Tấn	10/01/2001	CGKL 1 - K12.TC	8.8	
17	11070120101	Nguyễn Xuân Anh	27/06/2005	TC.CGKL - K11	9.0	
18	12070410105	Nguyễn Hữu Nguyên	26/05/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	8.4	
19	12070410101	Nguyễn Viết Thành An	18/05/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	6.0	
20	12070260204	Ly Văn Dế	13/03/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	8.4	
21	12070410106	Sung Văn Sính	01/08/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	7.2	
22	12070410104	Nguyễn Quang Minh	27/09/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	7.8	
23	12070620109	Hoàng Yến	03/12/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	9.0	
24	12070620102	Phạm Ngọc Anh	30/11/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	8.5	
25	12070620110	Nguyễn Lan Hương	14/09/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	9.0	
26	12070620112	Phùng Thị Minh Tâm	03/05/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	6.5	
27	11060610121	Phạm Thị Phương	05/09/2001	CĐ.KTDN - K11	6.0	
28	12070120117	Nguyễn Đình Quân	20/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.3	
29	12070330117	Nguyễn Đình Nghĩa	06/11/2006	ML1- K12.CĐ9+	5.5	
30	12070330116	Trương Ngọc Luân	24/12/2006	ML1- K12.CĐ9+	7.0	
31	12070330124	Nguyễn Đức Thiện	28/10/2006	ML1- K12.CĐ9+	6.0	
32	12070330125	Nguyễn Trọng Đạt	05/02/2006	ML1- K12.CĐ9+	5.5	
33	12070230108	Phí Đắc Khang	27/01/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	3.5	
34	12070230124	Hoàng Thị Hạnh	15/04/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.5	
35	12070230128	Phan Hữu Phong	16/08/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	3.5	
36	12070120111	Nguyễn Quang Linh	04/04/2005	CGKL1- K12.CĐ9+	8.0	
37	12070230107	Nguyễn Quang Huy	08/11/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	3.5	
38	11070310107	Nguyễn Tiến Đạt	20/11/2005	ML1- TC. K11	0.0	Vắng
39	12070910111	Nguyễn Xuân Đạt	01/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
40	12070910137	Đoàn Duy Trường	10/04/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.0	
41	12070910108	Nguyễn Xuân Dương	06/12/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	



42	12070910101	Nguyễn Hoài An	15/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
43	12070910106	Nguyễn Việt Dũng	16/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	5.0	
44	12070910116	Vương Việt Huy	29/12/2002	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.0	
45	12070910129	Nguyễn Phúc Hưng	28/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
46	12070910119	Phạm Đình Long	13/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
47	12070910117	Đặng Trung Kiên	03/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	5.5	
48	12070910126	Nguyễn Như Phong	03/02/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.0	
49	12070910123	Nguyễn Minh Nam	23/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.0	
50	12070910107	Nguyễn Đăng Dương	10/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	5.5	
51	12070910113	Nguyễn Đình Hào	18/02/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
52	12070910112	Nguyễn Bốn Giới	08/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
53	12070910114	Đình Văn Trí Hiếu	04/04/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.0	
54	12070910224	Nguyễn Ngọc Toàn	18/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
55	12070910109	Vũ Đình Đại	04/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
56	12070910125	Hoàng Anh Nhất	09/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
57	12070910219	Nguyễn Văn Nguyên	20/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	5.5	
58	12070910202	Nghiêm Đức Anh	06/12/2005	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
59	12070910221	Vương Nam Phong	08/12/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.0	
60	12070910201	Phan Hoàng Bảo An	13/08/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.0	
61	12070910203	Vũ Gia Bảo	16/10/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.5	
62	12070910212	Nguyễn Bảo Huy	29/09/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.5	
63	12070910215	Bùi Mỹ Khoa	25/01/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
64	12070910226	Nguyễn Việt Tuấn	13/02/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.0	
65	12070910230	Hoàng Đức Vinh	13/08/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
66	12070910241	Phạm Quang Anh	31/12/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
67	12070910302	Nguyễn Văn Thiện	15/06/2003	Ô Tô 1- K12.TC	6.5	
68	12070910306	Nguyễn Đức Tài	16/04/2003	Ô Tô 1- K12.TC	6.0	
69	11070910228	Phan Huy Minh	22/02/2005	TC.Ô TÔ 2 - K11	8.0	
70	12070910130	Phạm Hồng Quân	22/07/2004	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	5.0	
71	12070910218	Nguyễn Trọng Lợi	27/07/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
72	12070230126	Đoàn Công Thành	19/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.5	
73	12070260134	Lê Tất Thành	27/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
74	12070230103	Nguyễn Minh Châu	20/10/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.5	
75	12070230109	Đình Khánh Minh Toàn Khải	09/02/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	4.5	
76	12070230106	Kiều Thúy Hiền	10/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
77	12070230104	Phan Bá Đức	21/03/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	4.0	
78	12070230121	Phạm Quang Vinh	23/10/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	4.3	
79	12070260202	Nghiêm Xuân Quang Anh	04/03/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	3.8	
80	12070230119	Nguyễn Thị Tuyết	25/10/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
81	12070260219	Sung Thị Tấu	30/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
82	12070230123	Mai Nữ Thị Thu Hà	26/01/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.8	
83	12070260207	Lưu Xuân Hòa	09/01/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
84	12070230116	Vàng Thị Sóng	20/02/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
85	12070230120	Nguyễn Việt Trinh	16/11/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
86	12070230114	Dương Phương Nhi	05/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	

AN
TR
CAO
NG M
HÀ

12

87	12070810108	Cao Thanh Hà	23/05/2006	CSSĐ 1 - K12.CĐ9+	9.5	
88	12070810136	Nguyễn Bá Quỳnh Trang	29/08/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	8.1	
89	12070810125	Nguyễn Thị My	22/02/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.2	
90	12070810128	Nguyễn Phương Uyên	19/09/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.2	
91	12070810133	Võ Thị Bích Tuyền	20/01/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	10.0	
92	12070810134	Đào Thùy Trang	31/07/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.0	
93	12070810126	Trần Thị Yến Nhi	11/02/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.5	
94	12070810135	Đinh Thị Hà Trang	18/03/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.5	
95	11070810103	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	10/09/2005	TC.CSSĐ - K11	6.9	
96	08070810107	Đỗ Thị Mỹ Linh	09/02/2001	TC.CSSĐ - K8	9.8	
97	11060180101	Nguyễn Trung An	17/08/2002	Hàn1 - K11.CĐ	6.0	
98	11060180104	Nguyễn Hoàng Bảo	11/10/2002	Hàn1 - K11.CĐ	8.8	
99	11060260123	Phạm Anh Quân	13/06/2002	UDPM1 - K11.CĐ	6.0	
100	13130120103	Nguyễn Hữu Mạnh	25/09/2004	CGKL1 - K13.CĐLT	5.0	
101	13130120104	Hà Thị Hiền	01/10/1988	CGKL1 - K13.CĐLT	5.0	
102	13130260101	Nguyễn Thiên Lực	06/07/2004	UDPM1 - K13.CĐLT	8.0	
103	13130260102	Nguyễn Đức Quân	15/05/2001	UDPM1 - K13.CĐLT	8.5	
104	13130260103	Trần Đức Lương	15/11/2004	UDPM1 - K13.CĐLT	8.0	
105	13130260104	Đoàn Ngọc Khánh	10/02/2004	UDPM1 - K13.CĐLT	8.0	
106	11060180121	Đỗ Công Tuấn Linh	23/10/2002	Hàn1 - K11.CĐ	8.5	
107	11060260225	Nguyễn Chí Thiện	10/12/1999	UDPM - K11. CĐ	3.0	
108	11060260205	Phạm Văn Hiệp	14/08/2002	UDPM1 - K11.CĐ	8.0	
109	12070260107	Trần Lê Duy	30/01/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.0	
110	12070260139	Nguyễn Duy Trường	28/12/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.0	
111	12070260108	Nguyễn Duy Dũng	18/03/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.0	
112	12070260101	Nguyễn Văn An	25/02/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	9.5	
113	12070260112	Lý Bá Hoàng	22/03/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	9.5	
114	12070260116	Trần Mạnh Huy	12/08/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	9.5	
115	12070260127	Đậu Xuân Phú	08/12/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	9.5	
116	12070260123	Nguyễn Thiên Minh	03/10/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.0	
117	12070260120	Đỗ Đức Kiên	03/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
118	12070260114	Lê Đình Huy	09/05/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	9.0	
119	12070260111	Đào Trung Hiếu	29/09/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	9.5	
120	12070260110	Nguyễn Đắc Đức	17/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.0	
121	12070260215	Nguyễn Đức Minh	01/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
122	12070260109	Trần Thành Đô	18/05/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
123	12070260214	Nguyễn Phú Mạnh	22/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.0	
124	12070260209	Vương Tiên Huy	03/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.0	
125	12070260208	Nguyễn Quang Huy	09/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.5	
126	12070260223	Nguyễn Hải Yến	09/11/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
127	12070260206	Giàng A Hải	29/04/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	8.0	
128	12070260220	Thào Văn Tiến	08/09/2009	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
129	12070260124	Vũ Đức Minh	05/08/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
130	12070260225	Vương Đức Mạnh	12/10/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
131	12070260226	Trương Văn Phúc	15/11/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.5	

THAN
ÔNG
ĐẢNG
SHỆ C
NỘI
10

16

132	12070260231	Nguyễn Quang Minh	23/02/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.0	
133	11060260137	Đỗ Hữu Việt	10/06/2001	CĐ.UDPM - K11	7.0	
134	11060260211	Trương Văn Nhân	21/09/2002	CĐ.UDPM - K11	7.0	
135	11060260209	Vũ Quang Minh	21/03/2001	CĐ.UDPM - K11	9.5	
136	12130260101	Trần Ngọc Bảo	19/10/2003	CĐLT.UDPM - K12	6.0	
137	11070260130	Triệu Tiên Tâm	11/06/2005	TC.UDPM - K11	5.5	
138	12070260217	Nguyễn Văn Quang	05/07/2006	UDPM 2- K12 CĐ9+	8.0	
139	12070260230	Phạm Tuấn Khải	21/10/2006	UDPM 2- K12 CĐ9+	9.5	
140	11060260119	Lê Xuân Lộc	30/01/2002	UDPM - K11. CĐ	9.0	
141	11060260218	Nguyễn Đức Mạnh	20/07/2001	UDPM - K11.CĐ	6.0	

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



NGUYỄN TS. Phạm Xuân Khánh



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

ĐIỂM BẢO VỆ ĐỒ ÁN ĐỢT 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo quyết định số : 15.4.2/QĐ - CĐCNC ngày 17/11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm BV	Ghi chú
1	11060140122	Phạm Ngọc Lâm	06/11/2002	CĐT1 - K11.CĐ	7.0	
2	11060140226	Nguyễn Hữu Cường	16/03/2001	CĐT2 - K11.CĐ	6.0	
3	11060140211	Nguyễn Đình Khánh	23/06/2000	CĐT2 - K11.CĐ	6.0	
4	8060140111	Phạm Văn Hiệp	28/11/1999	CĐ.CĐT 2 - K8	6.5	
5	11060170106	Nguyễn Đắc Khởi	21/11/2002	CTKM1 - K11.CĐ	7.0	
6	11060230116	Nguyễn Tuyết Nhi	25/09/2002	TKĐH1 - K11.CĐ	6.0	
7	11060230206	Nguyễn Phương Linh	14/01/2002	TKĐH1 - K11.CĐ	6.0	
8	09060230130	Nguyễn Văn Nhất	30/01/2000	CĐ.TKĐH - K9	6.5	
9	11060230107	Vương Duy Hậu	04/12/1998	CĐ.TKĐH 1 - K11	6.0	
10	11060230105	Nguyễn Hoàng Hải	17/08/2002	CĐ.TKĐH 1 - K11	8.0	
11	11060230120	Nguyễn Bá Sang	04/12/2002	CĐ.TKĐH 1 - K11	8.0	
12	13130230101	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	10/04/2004	TKĐH1 - K13.CĐLT	8.0	
13	13130230102	Nguyễn Khắc Nam	08/02/2004	TKĐH1 - K13.CĐLT	0.0	vắng
14	11060230131	Mai Kiều Trinh	28/02/2002	TKĐH 1 - K11	6.0	
15	11060260127	Hoàng Tuấn Sơn	07/11/2002	CĐ.UDPM - K11	8.5	
16	11060260213	Nguyễn Văn Quyết	11/12/2002	CĐ.UDPM - K11	9.5	
17	11060310107	Nguyễn Văn Hải	07/09/2001	ĐCN1 - K11.CĐ	8.1	
18	11060310202	Lê Thế Đạt	06/03/2002	ĐCN1 - K11.CĐ	8.8	
19	11060310206	Mai Thế Anh	02/09/2002	ĐCN1 - K11.CĐ	8.4	
20	11060310124	Ngô Văn Phú	14/10/2001	ĐCN2 - K11.CĐ	0.0	vắng
21	13130410102	Nguyễn Trọng Khang	03/12/2004	ĐCN1 - K13.CĐLT	8.0	
22	13130410103	Lưu Thành Phương	24/09/2004	ĐCN1 - K13.CĐLT	8.6	
23	11060330124	Nguyễn Quang Sơn	03/12/2001	ML1 - K11.CĐ	8.0	
24	14130430108	Nguyễn Công Huân	29/09/2000	ML1 - K13.CĐLT	7.0	
25	13130430102	Trần Văn Thành	01/01/2004	ML1 - K13.CĐLT	7.0	
26	11060810122	Đinh Thu Thùy	06/09/2002	CSSĐ1 - K11.CĐ	8.5	
27	11060810134	Phạm Thị Thanh Hà	10/05/1982	CSSĐ1 - K11.CĐ	9.7	
28	11060810137	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19/07/1992	CSSĐ1 - K11.CĐ	9.0	
29	11060810135	Nguyễn Thị Lan Hương	20/09/1982	CSSĐ1 - K11.CĐ	8.8	
30	11060810136	Đặng Thị Hồng Hoa	17/11/1989	CSSĐ1 - K11.CĐ	9.3	
31	11060810160	Trịnh Thị Mai	18/12/1981	CSSĐ1 - K11.CĐ	9.2	
32	13130810102	Vũ Thị Thanh Lan	30/07/1990	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.9	
33	13130810104	Phùng Thị Hoài Linh	08/07/1998	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.3	
34	13130810105	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21/10/1983	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.1	
35	13130810106	Nguyễn Thị Hương	06/09/1995	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.3	
36	13130810107	Trần Thị Phương Thảo	14/07/1992	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.5	
37	13130810108	Nguyễn Thị Trà	02/02/1991	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.4	
38	13130810109	Vương Thị Xuân	05/07/1992	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.1	
39	13130810110	Hà Thị Yến	01/04/1994	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.4	



(Handwritten signature)

40	13130810111	Dương Thị Thanh Hoa	08/11/1988	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.5	
41	13130810112	Nguyễn Thị Thu Trang	05/03/1993	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.4	
42	13130810113	Lê Mỹ Huyền	13/06/1994	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.4	
43	13130810114	Trần Thị Ngân	02/04/1998	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.9	
44	13130810117	Lê Thị Thanh Nga	30/03/1992	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.1	
45	13130810118	Lê Thị Nga	21/11/1989	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.9	
46	13130810120	Trần Thị Thu Hằng	20/05/1985	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.5	
47	13130810119	Nguyễn Thị Kiều Liên	10/10/1984	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.5	
48	13130810121	Đường Thị Thúy	21/11/1984	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.6	
49	13130810122	Lê Thị Thảo Nguyên	27/10/1987	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.0	
50	13130810101	Nguyễn Thị Lan	16/08/1984	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.0	
51	13130810103	Lý Trường Giang	21/03/1983	CSSĐ1 - K13.CĐLT	9.8	
52	13130810115	Trần Thị Kim Ngân	18/11/1997	CSSĐ1 - K13.CĐLT	8.9	
53	11060240116	Đỗ Kim Vũ	20/06/2002	Ô tô 2 - K11.CĐ	8.4	
54	11060910225	Nguyễn Hồng Quân	29/03/2002	Ô tô 2 - K11.CĐ	7.5	
55	11060910319	Hoàng Thanh Nam	05/11/2002	Ô tô 3 - K11.CĐ	0.0	vắng
56	11060910401	Bùi Ngọc Anh	29/01/2002	Ô tô 4 - K11.CĐ	7.5	
57	11060910429	Lương Xuân Tín	19/12/2002	Ô tô 4 - K11.CĐ	0.0	vắng
58	11060910536	Hà Việt Bắc	23/08/2002	Ô tô 5 - K11.CĐ	7.7	
59	11060910512	Nguyễn Huy Hoàng	29/06/2002	CĐ.Ô TÔ 5 - K11	8.0	
60	11060910532	Ngô Mạnh Tiến	23/02/2002	CĐ.Ô TÔ 5 - K11	8.3	
61	9060910515	Trần Tất Thành	01/09/2000	CĐ.Ô TÔ 5 - K9	7.5	
62	11130910107	Khuất Gia Huy	09/09/2003	Ô tô1 - K11.CĐLT	8.0	
63	11130910101	Đoàn Tuấn Anh	05/11/2003	Ô tô1 - K11.CĐLT	8.0	
64	11060910607	Nguyễn Duy Hoàn	19/10/2002	Ô tô 6 - K11.CĐ	4.5	
65	11060910613	Nguyễn Văn Phúc	17/10/2002	Ô tô 7 - K11.CĐ	7.5	
66	11060910704	Trần Trung Đức	23/07/2002	Ô tô 7 - K11.CĐ	8.0	
67	11060910731	Nguyễn Hải Vũ	04/11/2001	Ô tô 7 - K11.CĐ	7.2	
68	11060910732	Nguyễn Tuấn Anh	23/08/2001	Ô tô 7 - K11.CĐ	7.0	
69	11060910737	Bùi Hồng Quân	01/02/1999	Ô tô 7 - K11.CĐ	7.0	
70	11060910738	Lưu Quang Trường	08/11/2001	Ô tô 7 - K11.CĐ	7.2	
71	11060910623	Nguyễn Thanh Tân	31/01/2001	Ô tô 6 - K11.CĐ	8.0	
72	11060910626	Lê Đức Thắng	30/11/2001	Ô tô 6 - K11.CĐ	8.0	
73	11060910528	Phạm Quang Sáng	30/04/2002	Ô tô 5 - K11.CĐ	6.9	
74	11060910525	Phạm Minh Quang	16/11/2002	Ô tô 5 - K11.CĐ	7.5	
75	11060910210	Bùi Hải Hoàn	14/03/2002	CĐ.Ô TÔ 2 - K11	6.0	
76	11060910213	Kiều Văn Huy	02/11/2002	Ô tô 2 - K11.CĐ	7.0	
77	11060310105	Đình Văn Đức	10/06/1998	ĐCN 1- K11. CĐ	8.3	

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



NGUT.TS. Phạm Xuân Khánh

ĐIỂM CHÍNH TRỊ TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo quyết định số 1542/QĐ - CDCNC ngày 14/11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Ghi chú
1	11060180101	Nguyễn Trung An	17/08/2002	Hàn1 - K11.CĐ	3.2	
2	11060180104	Nguyễn Hoàng Bảo	11/10/2002	Hàn1 - K11.CĐ	6.6	
3	11060140122	Phạm Ngọc Lâm	06/11/2002	CĐT1 - K11.CĐ	6.6	
4	11060140226	Nguyễn Hữu Cường	16/03/2001	CĐT2 - K11.CĐ	5.0	
5	11060140211	Nguyễn Đình Khánh	23/06/2000	CĐT2 - K11.CĐ	7.0	
6	11060230116	Nguyễn Tuyết Nhi	25/09/2002	TKĐH1 - K11.CĐ	4.4	
7	11060230206	Nguyễn Phương Linh	14/01/2002	TKĐH1 - K11.CĐ	6.0	
8	11060260123	Phạm Anh Quân	13/06/2002	UDPM1 - K11.CĐ	4.4	
9	11060310206	Mai Thế Anh	02/09/2002	ĐCN1 - K11.CĐ	5.0	
10	11060310124	Ngô Văn Phú	14/10/2001	ĐCN2 - K11.CĐ	3.4	
11	11060330124	Nguyễn Quang Sơn	03/12/2001	ML1 - K11.CĐ	4.0	
12	11060810122	Đình Thu Thùy	06/09/2002	CSSĐ1 - K11.CĐ	8.2	
13	11060240116	Đỗ Kim Vũ	20/06/2002	Ô tô 2 - K11.CĐ	6.0	
14	11060910225	Nguyễn Hồng Quân	29/03/2002	Ô tô 2 - K11.CĐ	5.8	
15	11060910319	Hoàng Thanh Nam	05/11/2002	Ô tô 3 - K11.CĐ	0.0	vắng
16	11060910401	Bùi Ngọc Anh	29/01/2002	Ô tô 4 - K11.CĐ	4.0	
17	11060910429	Lương Xuân Tín	19/12/2002	Ô tô 4 - K11.CĐ	0.0	vắng
18	11060910536	Hà Việt Bắc	23/08/2002	Ô tô 5 - K11.CĐ	0.0	vắng
19	11060170106	Nguyễn Đắc Khởi	21/11/2002	CTKM1 - K11.CĐ	5.0	
20	11060140117	Hà Quốc Huy	03/11/2002	CĐ.CĐT 1 - K11	6.2	
21	11060140116	Nguyễn Việt Hoàng	02/11/2002	CĐ.CĐT 1 - K11	5.8	
22	11060140114	Nguyễn Huy Hiệp	06/09/2002	CĐ.CĐT 1 - K11	4.6	
23	08060140111	Phạm Văn Hiệp	28/11/1999	CĐ.CĐT 2 - K8	3.6	
24	11060120201	Phí Mạnh Hoàng	18/06/2001	CĐ.CGKL 1 - K11	4.0	
25	11060120107	Bùi Hữu Hùng	22/03/2001	CĐ.CGKL 1 - K11	3.0	
26	11060120111	Đỗ Đình Linh	15/10/2000	CĐ.CGKL 1 - K11	6.0	
27	11060120130	Đặng Hoàng Việt	12/11/2002	CĐ.CGKL 1 - K11	4.4	
28	11060120120	Trần Hữu Thuận	15/03/1999	CĐ.CGKL 1 - K11	4.0	
29	11060120113	Trịnh Bá Long	25/01/2002	CĐ.CGKL 1 - K11	4.2	



Handwritten signature

30	11060120104	Nguyễn Trung Đông	26/11/2002	CĐ.CGKL 1 - K11	8.2	
31	11060120306	Nguyễn Phúc Dân	09/09/2002	CĐ.CGKL 2 - K11	7.8	
32	11060170102	Nguyễn Đình Hoàng	27/11/2002	CĐ.CTKM - K11	6.2	
33	11060180122	Đàm Đức Mạnh	07/05/2002	CĐ.CTTBCK - K11	4.6	
34	11060310107	Nguyễn Văn Hải	07/09/2001	CĐ.ĐCN 1 - K11	3.6	
35	11060310115	Tổng Văn Lộc	22/05/2002	CĐ.ĐCN 1 - K11	7.0	
36	11060310202	Lê Thế Đạt	06/03/2002	CĐ.ĐCN 1 - K11	5.8	
37	11060310113	Lê Hường	24/01/2002	CĐ.ĐCN 2 - K11	6.0	
38	11060410136	Từ Văn Vũ	05/04/2002	CĐ.ĐTCN 1 - K11	5.8	
39	11060410130	Dương Công Sơn	27/09/2002	CĐ.ĐTCN 1 - K11	7.8	
40	11060410111	Lê Anh Hiệp	16/02/2002	CĐ.ĐTCN 1 - K11	5.4	
41	11060410102	Lê Văn Dũng	29/04/2002	CĐ.ĐTCN 1 - K11	5.6	
42	09060410101	Đỗ Đăng Quang Anh	15/08/2000	CĐ.ĐTCN 1 - K9	2.4	
43	11060410133	Đặng Văn Tuấn	23/11/2002	CĐ.ĐTCN 2 - K11	5.2	
44	11060410121	Dương Văn Luật	12/12/2002	CĐ.ĐTCN 2 - K11	6.2	
45	11060410207	Lục Đình Long	03/01/2002	CĐ.ĐTCN 2 - K11	6.4	
46	11060410108	Lê Minh Hiếu	29/11/2002	CĐ.ĐTCN 2 - K11	4.6	
47	11060410214	Nguyễn Văn Toàn	17/07/2002	CĐ.ĐTCN 2 - K11	7.6	
48	11060180116	Kiều Việt Hưng	05/05/2002	CĐ.Hàn - K11	5.2	
49	10060320132	Vũ Nhật Trường	30/12/2001	CĐ.LĐĐ 2 - K10	6.0	
50	11060330125	Lương Văn Tạo	25/11/2002	CĐ.ML1 - K11	5.4	
51	11060330231	Nguyễn Bảo Quốc	14/08/2002	CĐ.ML2 - K11	4.6	
52	11060910114	Vũ Văn Khởi	05/11/2002	CĐ.Ô TÔ 1 - K11	5.6	
53	11060910105	Lê Tế Công	27/06/202	CĐ.Ô TÔ 1 - K11	5.6	
54	11060910110	Trần Nho Hiếu	11/01/2002	CĐ.Ô TÔ 1 - K11	5.2	
55		Lương Ngọc Thanh Sơn		CĐ.Ô TÔ 2 - K11	5.6	
56	11060910208	Hoàng Minh Hiếu	05/10/2002	CĐ.Ô TÔ 2 - K11	5.2	
57	11060910228	Đồng Duy Thái	17/12/2002	CĐ.Ô TÔ 2 - K11	6.0	
58	11060910334	Nguyễn Chí Trường	10/02/2002	CĐ.Ô TÔ 3 - K11	4.6	
59	08060150317	Nguyễn Thanh Nam	17/09/1998	CĐ.Ô TÔ 3 - K8	0.0	vắng
60	09060910319	Nguyễn Văn Nguyên	11/09/1999	CĐ.Ô TÔ 3 - K9	6.4	
61	09060910309	Đình Tiến Đạt	28/09/2000	CĐ.Ô TÔ 3 - K9	3.8	

TH
 PHÒNG
 ĐẢN
 GHÊ
 NỘ

ll

62	09060910316	Nguyễn Thành Long	13/07/2000	CĐ.Ô TÔ 3 - K9	4.6	
63	11060910501	Đặng Quang Anh	03/06/2002	CĐ.Ô TÔ 5 - K11	5.0	
64	09060910515	Trần Tất Thành	01/09/2000	CĐ.Ô TÔ 5 - K9	5.4	
65	11060910610	Nguyễn Công Mạnh	14/06/2002	CĐ.Ô TÔ 6 - K11	4.0	
66	11130910111	Nguyễn Việt Thắng	11/02/2002	CĐ.Ô TÔ 6 - K11	5.8	
67	11060910722	Vũ Minh Hiếu	18/08/2002	CĐ.Ô TÔ 7 - K11	8.0	
68	11060910727	Bùi Quang Thiện	06/01/2002	CĐ.Ô TÔ 7 - K11	5.8	
69	11060910731	Nguyễn Hải Vũ	04/11/2001	CĐ.Ô TÔ 7 - K11	5.6	
70	11060230111	Nguyễn Thế Lương	11/02/2002	CĐ.TKĐH - K11	3.2	
71	11060230107	Vương Duy Hậu	04/12/1998	CĐ.TKĐH 1 - K11	5.2	
72	11060230105	Nguyễn Hoàng Hải	17/08/2002	CĐ.TKĐH 1 - K11	4.4	
73	11060230120	Nguyễn Bá Sang	04/12/2002	CĐ.TKĐH 1 - K11	6.0	
74	11060230132	Phùng Quang Văn	05/02/2000	CĐ.TKĐH 1 - K11	6.6	
75	11060230204	Lê Đức Huy	29/09/2001	CĐ.TKĐH 1 - K11	7.2	
76	11060260103	Vũ Dịch Dũng	05/06/2002	CĐ.UDPM - K11	5.6	
77	11060260127	Hoàng Tuấn Sơn	07/11/2002	CĐ.UDPM - K11	3.4	
78	11060260213	Nguyễn Văn Quyết	11/12/2002	CĐ.UDPM - K11	4.2	
79	12130310106	Khuất Hải Nam	24/01/2004	CĐLT.ĐCN 1 - K12	5.2	
80	12130420103	Trịnh Văn Đạt	20/08/2004	CĐLT.SCMT - K12	4.6	
81	12130260101	Trần Ngọc Bảo	19/12/2003	CĐLT.UDPM - K12	5.0	
82	11060140128	Nguyễn Đăng Quang	17/01/2002	CĐT.CĐT 1 - K11	5.8	
83	11130910107	Khuất Gia Huy	09/09/2003	Ô tô 1 - K11.CĐLT	4.4	
84	11130910101	Đoàn Tuấn Anh	05/11/2003	Ô tô 1 - K11.CĐLT	4.0	
85	11060910607	Nguyễn Duy Hoàn	19/10/2002	Ô tô 6 - K11.CĐ	5.0	
86	11060180121	Đỗ Công Tuấn Linh	23/10/2002	Hàn 1 - K11.CĐ	4.6	
87	11060140105	Nguyễn Khắc Duy	06/03/2002	CĐT 1 - K11	8.0	
88	11070120114	Nguyễn Văn Quân	20/08/2004	TC.CGKL - K11	6.3	
89	11070120103	Phí Xuân Bắc	25/01/2005	TC.CGKL - K11	4.3	
90	11070120108	Nguyễn Tùng Lâm	18/01/2005	TC.CGKL - K11	4.5	
91	11070120115	Đỗ Đăng Sáng	11/07/2005	TC.CGKL - K11	5.3	

92	11070810103	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	10/09/2005	TC.CSSĐ - K11	5.5	
93	08070810107	Đỗ Thị Mỹ Linh	09/02/2001	TC.CSSĐ - K8	7.0	
94	11070310110	Trần Đăng Kiên	24/09/2005	TC.ĐCN 1 - K11	0.0	vắng
95	11070310109	Nguyễn Chí Quang Huy	15/10/2005	TC.ĐCN 1 - K11	3.0	
96	11070910205	Nguyễn Mạnh Cường	10/11/2005	TC.ML - K11	6.8	
97	11070910244	Nguyễn Hữu Thuận	27/04/2005	TC.Ô TÔ 2 - K11	5.5	
98	11070910228	Phan Huy Minh	22/02/2005	TC.Ô TÔ 2 - K11	5.0	
99	11070420107	Vũ Văn Thịnh	03/09/2005	TC.SCMT - K11	3.8	
100	11070230121	Nguyễn Minh Quang	16/07/2005	TC.TKĐH - K11	5.5	
101	12070120107	Nguyễn Đình Đạt	01/12/2005	CGKL1- K12.CĐ9+	5.0	
102	12070910103	Phan Đức Anh	20/09/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.5	
103	12070120101	Nguyễn Khánh Thế Anh	09/09/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.0	
104	12070120106	Nguyễn Thế Dương	26/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.0	
105	12070120110	Nguyễn Hữu Khoa	10/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.5	
106	12070120103	Đào Nhất Duy	22/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	5.8	
107	12070120116	Nguyễn Đức Phong	04/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.8	
108	12070230111	Nguyễn Trung Kiên	29/08/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.5	
109	12070120109	Nguyễn Trung Anh Đức	03/02/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.8	
110	12070120118	Vương Trọng Tăng	27/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	6.5	
111	12070120114	Nguyễn Xuân Minh	01/01/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.8	
112	12070120119	Nguyễn Văn Thành	17/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	3.8	
113	12070120105	Đỗ Khoa Dương	17/10/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	7.3	
114	12070120121	Nguyễn Trung Hiếu	03/09/2002	CGKL1- K12.CĐ9+	8.3	
115	12070120123	Đỗ Hữu Quang	20/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	5.5	
116	12070230126	Đoàn Công Thành	19/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.0	
117	12070260134	Lê Tất Thành	27/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.0	
118	12070230103	Nguyễn Minh Châu	20/10/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.3	
119	12070230109	Đình Khánh Minh Toàn Khải	09/02/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.3	
120	12070230106	Kiều Thúy Hiền	10/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.5	
121	12070230104	Phan Bá Đức	21/03/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.3	
122	12070230121	Phạm Quang Vinh	23/10/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.3	
123	12070260202	Nghiêm Xuân Quang Anh	04/03/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	9.0	
124	12070230119	Nguyễn Thị Tuyết	25/10/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.8	
125	12070260219	Sung Thị Tấu	30/12/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.0	

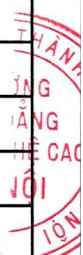
126	12070230123	Mai Nữ Thị Thu Hà	26/01/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	9.8	
127	12070260207	Lưu Xuân Hòa	09/01/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	9.3	
128	12070230116	Vàng Thị Sóng	20/02/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.0	
129	12070230120	Nguyễn Việt Trinh	16/11/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	8.3	
130	12070230114	Dương Phương Nhi	05/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	9.8	
131	12070260107	Trần Lê Duy	30/01/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
132	12070260139	Nguyễn Duy Trường	28/12/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.3	
133	12070260108	Nguyễn Duy Dũng	18/03/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.0	
134	12070260101	Nguyễn Văn An	25/02/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	7.5	
135	12070260112	Lý Bá Hoàng	22/03/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.3	
136	12070260116	Trần Mạnh Huy	12/08/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	5.0	
137	12070260127	Đậu Xuân Phú	08/12/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.3	
138	12070260123	Nguyễn Thiên Minh	03/10/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	5.3	
139	12070260120	Đỗ Đức Kiên	03/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.0	
140	12070260114	Lê Đình Huy	09/05/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	5.0	
141	12070260111	Đào Trung Hiếu	29/09/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	6.0	
142	12070260110	Nguyễn Đắc Đức	17/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	5.5	
143	12070260215	Nguyễn Đức Minh	01/11/2006	UDPM1- K12.CĐ9+	8.5	
144	12070260109	Trần Thành Đô	18/05/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	8.8	
145	12070260214	Nguyễn Phú Mạnh	22/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.0	
146	12070260209	Vương Tiến Huy	03/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	8.5	
147	12070260208	Nguyễn Quang Huy	09/12/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	8.8	
148	12070260223	Nguyễn Hải Yến	09/11/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.3	
149	12070260206	Giàng A Hải	29/04/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.8	
150	12070260220	Thào Văn Tiến	08/09/2009	UDPM2 - K12.CĐ9+	6.5	
151	12070260124	Vũ Đức Minh	05/08/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	7.8	
152	12070260225	Vương Đức Mạnh	12/10/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.3	
153	12070260226	Trương Văn Phúc	15/11/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.5	
154	12070260231	Nguyễn Quang Minh	23/02/2006	UDPM2 - K12.CĐ9+	9.3	
155	12070410105	Nguyễn Hữu Nguyên	26/05/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	9.0	
156	12070410101	Nguyễn Việt Thành An	18/05/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	5.5	
157	12070260204	Ly Văn Dế	13/03/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	8.8	
158	12070410106	Sung Văn Sính	01/08/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	7.3	
159	12070410104	Nguyễn Quang Minh	27/09/2006	SCMT1- K12.CĐ9+	7.3	
160	12070620109	Hoàng Yến	03/12/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	9.3	
161	12070620102	Phạm Ngọc Anh	30/11/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	6.8	

162	12070620110	Nguyễn Lan Hương	14/09/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	9.5	
163	12070620112	Phùng Thị Minh Tâm	03/05/2006	QTDN1- K12.CĐ9+	2.8	
164	12070810108	Cao Thanh Hà	23/05/2006	CSSĐ 1 - K12.CĐ9+	10.0	
165	12070810136	Nguyễn Bá Quỳnh Trang	29/08/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	5.3	
166	12070810125	Nguyễn Thị My	22/02/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	7.3	
167	12070810128	Nguyễn Phương Uyên	19/09/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	10.0	
168	12070810133	Võ Thị Bích Tuyền	20/01/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.8	
169	12070810134	Đào Thùy Trang	31/07/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.0	
170	12070810126	Trần Thị Yến Nhi	11/02/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	10.0	
171	12070810135	Đinh Thị Hà Trang	18/03/2006	CSSĐ 2 - K12.CĐ9+	9.0	
172	12070910111	Nguyễn Xuân Đạt	01/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	9.3	
173	12070910137	Đoàn Duy Trường	10/04/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.5	
174	12070910108	Nguyễn Xuân Dương	06/12/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
175	12070910101	Nguyễn Hoài An	15/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.5	
176	12070910106	Nguyễn Việt Dũng	16/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.8	
177	12070910116	Vương Việt Huy	29/12/2002	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	10.0	
178	12070910129	Nguyễn Phúc Hưng	28/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.0	
179	12070910119	Phạm Đình Long	13/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	9.3	
180	12070910117	Đặng Trung Kiên	03/07/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.3	
181	12070910126	Nguyễn Như Phong	03/02/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	9.0	
182	12070910123	Nguyễn Minh Nam	23/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	8.3	
183	12070910107	Nguyễn Đăng Dương	10/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
184	12070910113	Nguyễn Đình Hào	18/02/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.8	
185	12070910112	Nguyễn Bốn Giới	08/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.3	
186	12070910114	Đinh Văn Trí Hiếu	04/04/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	3.5	
187	12070910224	Nguyễn Ngọc Toàn	18/09/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
188	12070910109	Vũ Đình Đại	04/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	6.5	
189	12070910125	Hoàng Anh Nhất	09/08/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	4.3	
190	12070910219	Nguyễn Văn Nguyên	20/01/2006	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	7.8	
191	12070910202	Nghiêm Đức Anh	06/12/2005	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.0	
192	12070910221	Vương Nam Phong	08/12/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.5	
193	12070910201	Phan Hoàng Bảo An	13/08/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.3	
194	12070910203	Vũ Gia Bảo	16/10/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.0	

AN
TRÚ
AO E
G NG
HÀ I

le

195	12070910212	Nguyễn Bảo Huy	29/09/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	7.8	
196	12070910215	Bùi Mỹ Khoa	25/01/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.3	
197	12070910226	Nguyễn Việt Tuấn	13/02/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	3.8	
198	12070910230	Hoàng Đức Vinh	13/08/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.8	
199	12070910241	Phạm Quang Anh	31/12/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.8	
200	12070140101	Phạm Như Tấn	10/01/2001	CGKL 1 - K12.TC	7.0	
201	12070910302	Nguyễn Văn Thiện	15/06/2003	Ô Tô 1- K12.TC	5.8	
202	12070910306	Nguyễn Đức Tài	16/04/2003	Ô Tô 1- K12.TC	3.8	
203	12070120117	Nguyễn Đình Quân	20/03/2006	CGKL1- K12.CĐ9+	5.0	
204	12070330117	Nguyễn Đình Nghĩa	06/11/2006	ML1- K12.CĐ9+	7.3	
205	12070330116	Trương Ngọc Luân	24/12/2006	ML1- K12.CĐ9+	7.8	
206	12070330124	Nguyễn Đức Thiện	28/10/2006	ML1- K12.CĐ9+	6.5	
207	12070330125	Nguyễn Trọng Đạt	05/02/2006	ML1- K12.CĐ9+	7.3	
208	12070230108	Phí Đắc Khang	27/01/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	4.3	
209	12070230124	Hoàng Thị Hạnh	15/04/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.8	
210	12070330214	Phan Hữu Phong	16/08/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
211	12070260217	Nguyễn Văn Quang	05/07/2006	UDPM 2- K12 CĐ9+	5.5	
212	12070260230	Phạm Tuấn Khải	21/10/2006	UDPM 2- K12 CĐ9+	6.3	
213	8060150241	Nguyễn Văn Đạt	09/05/1997	Ô tô 2 - K8	6.4	
214	11060310105	Đình Văn Đức	10/06/1998	LĐĐ 1 - K11	7.6	
215	11060260119	Lê Xuân Lộc	30/01/2022	UDPM1 - K11	4.6	
216	12070120111	Nguyễn Quang Linh	04/04/2005	CGKL1- K12.CĐ9+	5.3	
217	12070910130	Phạm Hồng Quân	22/07/2004	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	5.0	
218	11060260218	Nguyễn Đức Mạnh	20/07/2001	UDPM 1 - K11	5.0	
219	11060910322	Ngô Thế Phong	23/07/2002	Ô tô 3 - K11	0.0	vắng
220	11060260225	Nguyễn Chí Thiện	10/12/1999	UDPM1 - K11	4.6	
221	11060260205	Phạm Văn Hiệp	14/08/2002	UDPM1 - K11	6.0	
222	11060910613	Nguyễn Văn Phúc	17/10/2002	Ô tô 7 - K11.CĐ	7.8	
223	11060910704	Trần Trung Đức	23/07/2002	Ô tô 7 - K11.CĐ	6.2	
224	11060910732	Nguyễn Tuấn Anh	23/08/2001	Ô tô 7 - K11.CĐ	5.4	
225	11060910737	Bùi Hồng Quân	01/02/1999	Ô tô 7 - K11.CĐ	6.8	
226	11060910738	Lưu Quang Trường	08/11/2001	Ô tô 7 - K11.CĐ	9.2	
227	11060910623	Nguyễn Thanh Tân	30/11/2001	Ô tô 6 - K11.CĐ	8.2	
228	11060910626	Lê Đức Thắng	31/01/2001	Ô tô 6 - K11.CĐ	6.2	
229	11060910528	Phạm Quang Sáng	30/04/2002	Ô tô 5 - K11.CĐ	3.0	
230	11060910525	Phạm Minh Quang	16/11/2002	Ô tô 5 - K11.CĐ	6.0	
231	11060910210	Bùi Hải Hoàn	14/03/2002	CĐ.Ô TÔ 2 - K11	3.4	



lll

232	11060140129	Phan Minh Quân	22/09/2002	CĐT 1 - K11	4.4	
233	11060140219	Nguyễn Sỹ Thành	26/03/2002	CĐT 2 - K11	3.2	
234	11060910419	Phạm Tuấn Long	30/04/2002	Ô TÔ 4 - K11	3.6	
235	11060260120	Nguyễn Việt Lương	02/07/2000	UDPM1 - K11	2.2	
236	12070230107	Nguyễn Quang Huy	08/11/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.5	
237	11060910213	Kiều Văn Huy	02/11/2002	Ô tô 2 - K11.CĐ	2.8	
238	12070910218	Nguyễn Trọng Lợi	27/07/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.0	
239	11070310114	Nguyễn Tiên Quang	03/11/2005	ĐCN1 - TC. K11	4.3	
240	12070910127	Nguyễn Thái Phong	08/10/2006	Ô tô 1- K12.CĐ 9+	0.0	vắng
241	11070310107	Nguyễn Tiên Đạt	20/11/2005	ML1- TC K11	8.0	

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



NGŨT.TS. Phạm Xuân Khánh



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.